

NỘI DUNG ÔN THI HỌC KÌ 1 – ĐỊA LÍ 12

Câu 1: Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lý nước ta là

- A. tự nhiên phân hóa đa dạng giữa Bắc - Nam, Đông - Tây.
- B. nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.
- C. thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.
- D. thuận lợi để xây dựng nền văn hóa tương đồng với khu vực.

Câu 2: Nhân tố nào dưới đây quyết định tính phong phú về thành phần loài của giới thực vật nước ta?

- A. Sự phong phú, đa dạng của các nhóm đất và sông ngòi.
- B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng.
- C. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế, có sự phân hóa phức tạp.
- D. Vị trí trên đường di cư và di lưu của nhiều loài thực vật.

Câu 3: Vị trí địa lý nước ta **không** tạo thuận lợi cho hoạt động nào sau đây?

- A. Mở rộng hợp tác đầu tư với các nước.
- B. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- C. Phòng chống thiên tai.
- D. Phát triển kinh tế biển.

Câu 4: Ý nghĩa quan trọng về văn hóa - xã hội của vị trí địa lý nước ta là

- A. phát triển giao thông đường bộ, đường biển, đường hàng không.
- B. tạo cầu nối phát triển kinh tế giữa các nước trong khu vực.
- C. tạo điều kiện thu hút vốn và kỹ thuật đầu tư nước ngoài.
- D. tạo điều kiện để chung sống hòa bình với các nước trong khu vực.

Câu 5: Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
- B. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
- C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
- D. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.

Câu 6: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

- A. sông ngòi dày đặc.
- B. địa hình đa dạng.
- C. nhiều khoáng sản.
- D. tổng bức xạ lớn.

Câu 7: Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là do vị trí địa lý

- A. giáp vùng biển rộng lớn, giàu tài nguyên.
- B. nằm liền kề các vành đai sinh khoáng lớn.
- C. nằm trên đường di lưu và di cư sinh vật.
- D. có hoạt động của gió mùa và Tín phong.

Câu 8: Khí hậu nước ta **không** khô hạn như các nước cùng vĩ độ vì

- A. nước ta nằm liền kề với 2 vành đai sinh khoáng lớn.
- B. ảnh hưởng của biển Đông và các khối khí di chuyển qua biển.
- C. nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu.
- D. thiên nhiên chịu ảnh hưởng rõ rệt của gió Tín phong.

Câu 9: Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Bắc Nam của nước ta chủ yếu do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi.
- B. nền khí hậu nhiệt đới.
- C. lãnh thổ trải dài.
- D. tiếp giáp với biển.

Câu 10: Vị trí địa lý và hình thể đã tạo nên

- A. khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh.
- B. địa hình có tính phân bậc rõ rệt.
- C. tài nguyên khoáng sản phong phú.
- D. sự phân hóa đa dạng của tự nhiên.

Câu 11: Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

- A. có bậc ruộng cao bạc màu.
- B. có nhiều ô trũng ngập nước.
- C. không được bồi đắp thường xuyên.
- D. được bồi đắp phù sa thường xuyên.

Câu 12: Đặc điểm địa hình thấp, được nâng cao ở hai đầu, thấp trũng ở giữa là của vùng núi nào sau đây?

- A. Trường Sơn Nam.
- B. Đông Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Tây Bắc.

Câu 13: Nơi có thêm lục địa hẹp nhất nước ta thuộc vùng biển của khu vực

- A. Bắc Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Nam Bộ.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình Việt Nam?

- A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.
- B. Hầu hết là địa hình núi cao.
- C. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao.
- D. Địa hình vùng nhiệt đới gió mùa.

Câu 15: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi nước ta đa dạng?

- A. có các cao nguyên bazan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
- B. có núi cao, núi thấp, núi trung bình, sơn nguyên, cao nguyên.
- C. bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều núi thấp.
- D. nước ta vừa có núi, có đồi, vừa có sông và biển.

Câu 16: Đặc điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có hệ thống đê sông và đê biển.
- B. do phù sa các sông lớn tạo nên.
- C. có nhiều sông ngòi, kênh rạch.
- D. bị thủy triều tác động rất mạnh.

Câu 17: Đất đai ở vùng ven biển miền Trung thường nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông chủ yếu do

- A. cát sông miền Trung ngắn và rất nghèo phù sa.
- B. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.
- C. đồng bằng nằm ở chân núi, nhận nhiều cát sỏi trôi xuống.
- D. trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.

Câu 18: Khu vực đồi núi nước ta **không** phải là nơi có

- A. địa hình dốc, bị chia cắt mạnh.
- B. hạn hán, ngập lụt thường xuyên.
- C. nhiều hẻm vực, lăm sông suối.
- D. xói mòn và trượt lở đất nhiều.

Câu 19: Việc giao lưu kinh tế giữa các vùng ở miền núi gặp khó khăn thường xuyên, chủ yếu là do

- A. địa hình cao bị chia cắt mạnh.
- B. tiềm ẩn nguy cơ động đất.
- C. khan hiếm nước vào mùa khô.
- D. thiên tai dễ xảy ra.

Câu 20: Yếu tố quyết định tạo nên tính phân bậc của địa hình Việt Nam là

- A. tác động của vận động Tân kiến tạo.
- B. sự xuất hiện khá sớm của con người.
- C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. vị trí địa lí giáp Biển Đông.

Câu 21: Địa hình đồng bằng sông Cửu Long khác với đồng bằng sông Hồng là

- A. có quy mô diện tích nhỏ hơn.
- B. không được bồi đắp phù sa hàng năm.
- C. có nhiều vùng trũng rộng lớn.
- D. bị chia cắt thành nhiều ô bởi đê ngăn lũ.

Câu 22: Biển Đông là một vùng biển

- A. diện tích không rộng.
- B. có đặc tính nóng ẩm.
- C. mở rộng ra Thái Bình Dương.
- D. ít chịu ảnh hưởng của gió mùa.

Câu 23: Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến nên có đặc tính là

- A. độ mặn không lớn.
- B. có nhiều dòng hải lưu.
- C. nóng ẩm quanh năm.
- D. biển tương đối lớn.

Câu 24: Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. lạnh, ẩm.
- B. ấm, ẩm.
- C. lạnh, khô.
- D. ấm, khô.

Câu 25: Gió mùa đông bắc gần như bị chặn lại ở dãy núi nào sau đây?

- A. Tam Điệp.
- B. Hoàng Sơn.
- C. Bạch Mã.
- D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 26: Gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 6 đến 10.
- B. Tháng 8 đến 10.
- C. Tháng 1 đến 12.
- D. Tháng 5 đến 10.

Câu 27: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quyết định bởi

- A. ảnh hưởng của biển Đông rộng lớn.
- B. ảnh hưởng sâu sắc hoàn lưu gió mùa.
- C. vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến.
- D. chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

Câu 28: Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. quá trình tích tụ mùn mạnh.
- B. rửa trôi các chất bazo dễ tan.
- C. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.
- D. quá trình phong hóa mạnh mẽ.

Câu 29: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
- B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
- C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- D. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

Câu 30: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh.
- B. Tích tụ ôxit sắt Fe_2O_3 .
- C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất bazo.
- D. Tích tụ ôxit nhôm Al_2O_3 .

Câu 31: Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với

C. cận xích đạo gió mùa.

D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 48: Loài nào sau đây **không** phải thực vật ôn đới?

A. Đỗ quyên.

B. Lãnh sam.

C. Thiết sam.

D. Dâu tằm.

Câu 49: Ngập úng ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ lúa nào sau đây?

A. Đông xuân.

B. Mùa.

C. Hè thu.

D. Chiêm xuân.

Câu 50: Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ít nghiêm trọng nhất ở vùng nào sau đây?

A. Miền Bắc.

B. Nam Bộ.

C. Nam Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 51: Khu vực nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của động đất?

A. Tây Nguyên.

B. Đông Bắc.

C. Đông Nam Bộ.

D. Tây Bắc.

Câu 52: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung bộ có tác dụng chính là

A. điều hòa nguồn nước.

B. hạn chế tác hại của lũ.

C. chống xói mòn, rửa trôi.

D. hạn chế sự di chuyển của cồn cát.

Câu 53: Đâu **không** phải là nguyên nhân làm cho đồng bằng ở nước ta bị ngập lụt?

A. Mưa bão trên diện rộng, nước nguồn về.

B. Lũ tập trung trong các hệ thống sông lớn.

C. Mặt đất thấp, có đê bao bọc xung quanh.

D. Do sạt lở bờ biển, nước biển tràn qua đê.

Câu 54: Mùa bão ở nước ta chậm dần từ Bắc vào Nam là do

A. nhiệt độ tăng dần từ Bắc vào Nam.

B. sự di chuyển của dải hội tụ nhiệt đới.

C. sự di chuyển tâm bão từ Bắc vào Nam.

D. hoạt động của dòng biển theo mùa.

Câu 55: Biện pháp quan trọng nhất để phòng chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ là

A. bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ.

B. xây hồ chứa nước chống khô hạn.

C. xây đê, kè chắn sóng, bão.

D. di dân đến các vùng khác.

Câu 56: Vì sao miền Trung lũ quét muộn hơn ở miền Bắc?

A. Mùa mưa muộn.

B. Mưa đều.

C. Địa hình hẹp ngang.

D. Mùa mưa sớm.

Câu 57: Thiên tai nào **không** phải là tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?

A. Động đất.

B. Ngập lụt.

C. Lũ quét.

D. Hạn hán.

Câu 58: Giải pháp nào sau đây là chủ yếu để phòng chống khô hạn lâu dài ở nước ta?

A. Phòng chống cháy rừng.

B. Thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc.

C. Bố trí nhiều trạm bơm nước.

D. Xây dựng các công trình thủy lợi hợp lý

Câu 59: Nội dung chủ yếu của Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là

A. đảm bảo sự bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

B. chú trọng việc bảo vệ môi trường chống ô nhiễm.

C. bảo vệ tài nguyên khỏi cạn kiệt và môi trường không ô nhiễm.

D. đảm bảo sự bảo vệ đi đôi với sự phát triển bền vững.

Câu 60. Khó khăn lớn nhất trong công tác phòng chống bão ở nước ta hiện nay là

A. dự báo thời tiết chưa chính xác về mức độ ảnh hưởng.

B. người dân còn chủ quan, ít kinh nghiệm phòng tránh.

C. diễn biến bão phức tạp, đê kè xuống cấp, mất rừng phòng hộ.

D. chưa được quan tâm đúng mức, chỉ đạo chưa kịp thời.

Câu 61. Vùng nào sau đây có lũ lụt xảy ra thường xuyên trên diện rộng nhất nước ta?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 62: Hiện tượng sương muối xảy ra nhiều nhất ở khu vực nào sau đây của nước ta?

A. Miền núi phía Bắc.

B. Đồng bằng Bắc Bộ.

C. Vùng ven biển Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 63: Rét hại ít xảy ra ở khu vực nào sau đây?

A. Tây Bắc Bộ

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đông Bắc Bộ.

D. ven biển Bắc Trung Bộ.

Câu 64: Biện pháp quan trọng nhất để giảm lũ ở vùng hạ lưu là

A. trồng rừng đầu nguồn.

B. trồng rừng ngập mặn.

C. xây dựng các đập thủy điện.

D. trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 65: Loại thiên tai nào sau đây tuy mang tính chất cục bộ ở địa phương nhưng diễn ra thường xuyên và gây thiệt hại không nhỏ?

A. Ngập úng, lũ quét và hạn hán.

B. Bão.

C. Lốc, mưa đá, sương muối.

D. Động đất.

Câu 66: Biện pháp nào sau đây có tác dụng phòng tránh bão có hiệu quả nhất?

A. có các biện pháp di rời khi bão đang hoạt động.

B. củng cố đê chắn sóng vùng ven biển.

C. huy động sức dân phòng tránh bão.

D. tăng cường các thiết bị dự báo chính xác.

Câu 67: Ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do

A. lượng mưa lớn nhất nước

B. mưa lớn và triều cường.

C. mạng lưới sông ngòi dày đặc.

D. hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

Câu 68: Vùng nào sau đây của nước ta có lũ chủ yếu xảy ra vào thu - đông?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 69: Chông bão phải luôn kết hợp với chông lụt, úng ở đồng bằng và chông lũ, xói mòn ở vùng núi do

A. trên biển, bão gây sóng to.

B. lượng mưa trong bão thường lớn.

C. bão là thiên tai bất thường.

D. bão thường có gió mạnh, lốc xoáy.

Câu 70: Thiên tai nào sau đây xảy ra bất thường và gây hậu quả rất nghiêm trọng ở miền núi nước ta?

A. Lũ quét.

B. Bão.

C. Hạn hán.

D. Ngập lụt.

Câu 71: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi nào sau đây **không** có hướng Tây Bắc - Đông Nam?

A. Bạch Mã.

B. Pu Đen Đinh.

C. Trường Sơn Bắc.

D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Mơ Nông?

A. Vọng Phu.

B. Lang Bian.

C. Nam Decbri.

D. Braian.

Câu 73: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Đông Triều.

B. Ngân Sơn.

C. Cai Kinh.

D. Hoành Sơn.

Câu 74: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây **không** thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Tây Côn Lĩnh.

B. Phu Luông.

C. Kiều Liêu Ti.

D. Pu Tha Ca.

Câu 75: Căn cứ vào Atlas địa lý Việt Nam trang 13,14, hãy cho biết các cao nguyên sau, cao nguyên nào **không** phải là cao nguyên badan?

A. Kom Tum.

B. Đăk Lăk.

C. Mộc Châu.

D. Mơ Nông.

Câu 76: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi nào sau đây có độ cao lớn nhất ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Pu Tha Ca.

B. Kiều Liêu Ti.

C. Tây Côn Lĩnh.

D. Mẫu Sơn.

Câu 77: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Tây Côn Lĩnh.

B. Kiều Liêu Ti.

C. Pu Tha Ca

D. Phu Luông.

Câu 78: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết khu vực nào cao nhất trên lát cắt C - D?

A. Cao nguyên Mộc châu.

B. Núi Phu Pha Phong.

C. Núi Phu Luông.

D. Núi Phanxipang.

Câu 79: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13 - 14, cho biết dãy núi nào sau đây là ranh giới tự nhiên giữa miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

A. Hoành Sơn.

B. Đèo Ngang.

C. Bạch Mã.

D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 80: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đèo nào sau đây **không** thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

A. Hải Vân.

B. An Khê.

C. Cù Mông.

D. Ngang.

Câu 81: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

A. Cần Thơ. B. Trường Sa. C. Thanh Hóa. D. Hoàng Sa.

Câu 82: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII?

A. Cần Thơ. B. Sa Pa. C. Đà Lạt. D. Nha Trang.

Câu 83: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió tháng 1 tại trạm Đồng Hới chủ yếu thổi theo hướng nào sau đây?

A. Đông bắc. B. Tây nam. C. Bắc. D. Tây bắc.

Câu 84: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào thuộc miền khí hậu phía Nam?

A. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ. B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.

Câu 85: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

A. Sông Cả. B. Sông Chu. C. Sông Mã. D. Sông Đà.

Câu 86: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc lưu vực hệ thống sông Hồng?

A. Lô. B. Cầu. C. Gâm. D. Đà.

Câu 87: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

A. sông Hiếu. B. sông Chu. C. sông Ngàn Phố. D. sông Giang.

Câu 88: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

A. Sông Thái Bình. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Mã. D. Sông Ba.

Câu 89: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

A. Tháng 9. B. Tháng 7. C. Tháng 8. D. Tháng 6.

Câu 90: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có mưa nhiều từ tháng IX đến tháng XII?

A. Đà Lạt. B. Nha Trang. C. Thanh Hóa. D. Sa Pa.

ĐỀ THI CÓ CÂU HỎI THÔNG HIỂU TRONG CÁC BÀI ĐÃ HỌC Ở HK1, CÂU HỎI ATLAT TRONG ĐỀ CƯƠNG LÀ ĐỂ THAM KHẢO VÀ LUYỆN TẬP.

*** LƯU Ý : HỌC SINH CHUẨN BỊ ATLAT KHI ĐI THI ĐỂ LÀM BÀI.**

CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT VÀ THI TỐT!

